TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31/10/2019.
V/v *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Tuấn Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thẩm Văn Minh
Ông Nguyễn Ngọc Thưởng

***Thư ký phiên toà*:** Bà Đinh Kiều Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Triệu Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T SN 1984
Địa chỉ: Tổ 18, B, phường P, thị xã N, tỉnh Yên Bái.

Bị đơn: Anh Đinh Văn N SN 1985
Địa chỉ: Xóm D, xã T, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T: Bà Phạm Thị Thắm – Trợ giúp viên pháp lý.

Cơ quan công tác: Trung T trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt lần 2 không có lý do Bà Thắm có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày tại đơn khởi kiện đề ngày 28/8/2019, và trong quá trình giải quyết vụ án chị đã trình bày như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Văn N tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện YL, tỉnh Phú Thọ, ngày 24/6/2010. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, sau đó sảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan

điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

1.2. Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 01 (một) con chung: là Đinh Quyết T, sinh ngày 02/10/2010, hiện nay đang sống cùng chị, sau ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

1.3. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Đinh Văn N trong quá trình giải quyết vụ án đã được cấp, tống đạt, thông báo, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng vẫn vắng mặt. Việc anh N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nên không có quan điểm của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn.

3. Tại bản tự khai ngày 16/9/2019, cháu Đinh Quyết T đã thể hiện quan điểm nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu muốn được ở với mẹ cháu là chị T.

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T, bà Phạm Thị Thắm trình bày: Vợ chồng anh chị mâu thuẫn từ lâu và đã sống ly thân, chị T phải về nhà bố mẹ đẻ ở thị xã N, tỉnh Yên Bái. Nay tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị T được ly hôn anh N. Anh chị có 01 con chung là Đinh Quyết T, sinh ngày 02/10/2010, hiện nay đang học và ở cùng chị T. Sau khi ly hôn đề nghị cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng và chị T tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con vì chị T đi làm thuê đủ điều kiện nuôi con.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng của vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án đều thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành quy định pháp luật, từ bỏ quyền theo Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ly thân đã lâu. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Về hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Đinh Văn N.

Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Đinh Quyết T, sinh ngày 02/10/2010, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T (do chị T tự nguyện không yêu cầu).

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: chị T không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Căn cứ đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị T, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Do anh Đinh

Văn N hiện đang cư trú tại xóm D, xã T, huyện YL, tỉnh Phú Thọ, nên Tòa án nhân dân huyện YL đã thụ lý giải quyết vụ án theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Toà án đã cấp, tống đạt, thông báo, niêm yết hợp lệ đối với anh N: Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174, 175 và 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh N vắng mặt, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt (Bút lục số 24) nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, điểm a,b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hoàng Thị T và Đinh Văn N tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện YL, tỉnh Phú Thọ, ngày 24/6/2010, theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

Chị T xác định trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng chỉ hòa thuận, hạnh phúc thời gian đầu sau đó sảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Quá trình giải quyết vụ án anh N không đến Tòa án làm việc nên không tiến hành hòa giải được. Qua xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N với đại diện UBND và các tổ chức đoàn thể của xã T (Bút lục số 30) như: Hội phụ nữ, trưởng khu, tư pháp, công an xã đã thể hiện quan điểm chung là chị T và anh N trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân nhau từ lâu. Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật và thực tế tình trạng hôn nhân của hai vợ chồng để giải quyết cho chị T được ly hôn anh N.

Xét thấy tình cảm giữa chị T và anh N thực sự không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên việc chị T xin ly anh N là có căn cứ, đúng thực tế phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Vì vậy nên xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Đinh Văn N.

[3] *Về con chung*: Chị T và anh N có 01 con chung là Đinh Quyết T, sinh ngày 02/10/2010, hiện nay đang học và ở cùng chị T. Sau ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét thấy anh N không đến Tòa án làm việc để thể hiện nguyện vọng được nuôi con. Do đó, chị T có đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là có căn cứ chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị Hoàng Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T và kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227, điểm a,b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Đinh Văn N.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Đinh Quyết T, sinh ngày 02/10/2010 đến khi thành niên. Chị Hoàng Thị T tự nguyện không yêu cầu anh Đinh Văn N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đinh Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2018/0001158 ngày 03/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Nay được chuyển thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bán án được niêm yết nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- TGVPL;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Tuấn Anh